

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 5 - 2025

V/v ly hôn giữa chị Nguyễn Thị

Thảo và anh Lê Đăng Tuấn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Kiến.

Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lưu Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Hữu Nghi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Diễm Trang, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp Tân Bình Thượng, xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2023); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trang: Chị Phạm Thị Mỹ Nga, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Lợi, là Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Minh Tấn Chi nhánh Tháp Mười thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Đăng Tuấn, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Mai Văn Thanh, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp 6A, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Ngọc Tuấn Anh, sinh ngày 14/5/2007; vắng mặt.

3.2. Nguyễn Ngọc Lan Anh, sinh ngày 01/11/2009; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Ngọc Tuấn Anh, Nguyễn Ngọc Lan Anh: Ông Lê Đăng Tuấn, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3.3. Bà Huỳnh Thị Sương, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Đăng Tuấn, là bị đơn; bà Huỳnh Thị Sương, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thảo trình bày:

Bà Thảo và ông Tuấn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau tình cảm ngày càng phai nhạt, thường cãi nhau, gia đình không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, nhận thấy tình cảm không còn nên bà Thảo yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Đăng Tuấn.

Quá trình chung sống bà Thảo và ông Tuấn không có con chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị Mỹ Nga là người đại diện theo ủy quyền của bà Thảo trình bày về tài sản chung:

Quá trình chung sống, bà Thảo và ông Tuấn có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 46, diện tích 362,9m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, ông Lê Đăng Tuấn được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/2020. Nguồn gốc đất là vào năm 2020, bà Thảo và ông Tuấn nhận

chuyển nhượng đất của ông Huỳnh Văn Dân với giá là 200.000.000 đồng. Căn nhà xây dựng bao nhiêu tiền thì không nhớ vì xây dựng nhiều đợt, khoảng hơn 01 năm mới xây dựng xong. Nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất là do con của bà Thảo cho bà Thảo và tiền bà Thảo tích góp. Số tiền xây dựng nhà có nguồn gốc bên đạo công giáo hỗ trợ 30.000.000 đồng, một phần con bà Thảo cho bà Thảo (anh Khoa chuyển khoản cho ông Tuấn năm 2020 là 101.500.000 đồng). Trước khi xây dựng nhà thì bà Thảo và ông Tuấn ở dưới ghe, vì tin tưởng nên bà Thảo cho ông Tuấn đại diện đứng tên giấy chứng nhận, sau đó bà Thảo và ông Tuấn có xây dựng căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông, chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 20m, tổng diện tích khoảng 100m² cùng sống chung, đến tháng 11/2023 thì xảy ra mâu thuẫn và bà Thảo bỏ đi cho đến nay. Chứng cứ về nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất, xây dựng nhà bà Thảo sẽ cung cấp sau cho Tòa án. Khi ly hôn, bà Thảo yêu cầu chia tài sản chung gồm đất và nhà ở nêu trên, bà Thảo yêu cầu nhận giá trị đất và nhà ở theo giá thỏa thuận ngày 19/9/2024 là 805.780.000 đồng, bà Thảo xin nhận 402.890.000 đồng. Không yêu cầu chia cây trồng và hàng rào trên đất.

Bị đơn Lê Đăng Tuấn trình bày:

Từ năm 2015 đến đầu năm 2017, ông Tuấn làm công nhân điện lực tại xã Hữu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Năm 2016, ông Tuấn có đến quán cà phê của bà Thảo uống nước và quen biết với bà Nguyễn Thị Thảo (chủ quán), ông Tuấn có mua dâm với bà Thảo 02 lần, sau đó thì ông Tuấn phát sinh tình cảm với bà Thảo. Đến năm 2017, bà Thảo bị tai nạn giao thông không ai chăm sóc nên trong lúc rảnh rỗi ông đến chăm sóc bà Thảo được một tuần thì bị công an bắt, ông Tuấn và bà Thảo bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo theo bản án số 150/2017/HSST ngày 14/12/2017 nên gia đình ông Tuấn phản đối, không thừa nhận mối quan hệ tình cảm giữa ông Tuấn và bà Thảo. Ông Tuấn đã quan tâm, chăm sóc, nuôi bà Thảo từ năm 2017 đến tháng 11/2023 thì bà Thảo tự bỏ nhà đi. Khi chưa có nhà thì ông Tuấn, bà Thảo cùng hai con nuôi của ông Tuấn ở dưới ghe của ông Tuấn, do phải nuôi hai đứa con, nuôi bà Thảo nên kinh tế thiếu hụt, thường xuyên nhờ bà Sương hỗ trợ thêm. Đến năm 2018, bà Sương kêu ông Tuấn tìm mua đất cát nhà ở để sau này mẹ ông Tuấn về ở chung. Đến năm 2019, nghe người giới thiệu ông Dân bán đất nên ông Tuấn gặp ông Dân thỏa thuận mua đất với giá 200.000.000 đồng, năm 2020 ông Tuấn được cấp quyền sử dụng đất và cát nhà ở cho đến nay. Ông Tuấn ở cùng hai con nuôi và bà Thảo, đến tháng 10/2023 bà Sương mới về ở chung với ông Tuấn, đến tháng 11/2023 bà Sương về ở chung thì bà Thảo tự bỏ nhà đi và thuê xe chở tủ lạnh, máy giặt, máy lọc nước, tủ quần áo, bàn ghế, 02 tivi,... về nhà của bà Thảo ở Long An. Ông Tuấn đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Thảo.

Về con chung: Ông Tuấn và bà Thảo không có con chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Mai Văn Thanh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Đăng Tuấn trình bày về tài sản chung:

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 46, diện tích 326,9m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, ông Lê Đăng Tuấn được Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/2020 là tài sản riêng ông Tuấn, vì nguồn gốc đất là do ông Tuấn nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn Dân với giá là 200.000.000 đồng vào cuối năm 2019, đến năm 2020 ông Tuấn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi xây dựng nhà xong, ông Tuấn và bà Thảo về nhà ở cho đến tháng 11/2023 bà Thảo tự bỏ nhà đi. Nguồn tiền mua đất là do mẹ ông Tuấn cho ông Tuấn 250.000.000 đồng, đã mua đất 200.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng để cất nhà ở. Căn nhà xây dựng với số tiền khoảng 100.000.000 đồng, phần tiền cất nhà còn thiếu chị của ông Tuấn ở nước ngoài gửi về cho ông Tuấn (chị ông Tuấn gửi cho mẹ ông Tuấn hai lần hơn 30.000.000 đồng, nhà thờ hỗ trợ 30.000.000 đồng) và nguồn tiền từ việc ông Tuấn bán xe máy được 15.000.000 đồng, bà Thảo không có bỏ tiền của bà Thảo để mua đất, cất nhà.

Việc thỏa thuận chuyển nhượng đất là ông Tuấn và ông Dân trực tiếp thỏa thuận, ông Tuấn đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng (có giấy tay nhưng đã bỏ không còn) để ông Dân nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thực hiện thủ tục sang tên cho ông Tuấn vì ông Dân thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng. Sau khi ông Dân nhận bản chính quyền sử dụng đất về, ông Tuấn và ông Dân đến Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười làm hợp đồng chuyển nhượng đất. Trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tuấn, ông Tuấn chờ bà Thảo đến nhà ông Dân để trả tiền, bà Thảo cùng đi để xem đất và bà Thảo có kiểm tra lại số tiền đủ 100.000.000 đồng rồi đưa cho ông Tuấn để ông Tuấn giao tiền cho ông Dân. Ông Tuấn không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của bà Thảo vì đây là tài sản riêng của ông Tuấn có được từ nguồn tiền riêng của bà Sương là mẹ ruột ông Tuấn cho ông Tuấn và ông Tuấn chỉ đứng tên dùm cho bà Sương để sau này bà Sương về ở chung với ông Tuấn. Ông Tuấn đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Sương yêu cầu ông Tuấn trả lại giá trị nhà và đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá.

Ông Lê Đăng Tuấn là người đại diện hợp pháp của Tuấn Anh, Lan Anh trình bày:

Lan Anh và Tuấn Anh là con nuôi của ông Tuấn, không có làm thủ tục nhận con nuôi mà chỉ cho Tuấn Anh và Lan Anh nhập hộ khẩu của ông Tuấn và gọi bà Thảo là mẹ. Hiện Lan Anh và Tuấn Anh cùng ông Tuấn sinh sống trên đất và căn nhà đang tranh chấp từ năm 2020 cho đến nay, Tuấn Anh và Lan Anh không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản này. Lan Anh và Tuấn Anh chỉ phụ tiếp việc nhỏ trong gia đình như gọt hạt sen, nấu cơm, tiếp ông đi nhật phế liệu... Đối với đất và căn nhà đang tranh chấp Tuấn Anh và Lan Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này, quyền quyết định là của ông Tuấn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Sương trình bày:

Bà Sương là mẹ ruột của ông Lê Đăng Tuấn. Trước đây gia đình bà Sương sinh sống ở ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cùng với con trai là ông Tuấn, làm công nhân hợp đồng cho Điện Lực huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Năm 2017, ông Tuấn có quen biết với bà Nguyễn Thị Thảo, trong

thời gian này bà Thảo bị tai nạn giao thông (gãy chân) không ai chăm sóc nên ông Tuấn đến chăm sóc trong những lúc rảnh, ngoài giờ làm ở Điện Lực, được khoảng một tuần thì bị Công an bắt, tạm giữ 06 tháng, đến ngày 14/12/2017 Tòa án xét xử, tuyên phạt 02 năm tù cho hưởng án treo theo bản án số 150/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa. Lúc này bà Sương với ông Tuấn mới biết bà Thảo mở quán cà phê có chứa gái bán dâm, gia đình bà Sương cũng mới biết ông Tuấn có mối quan hệ qua lại với bà Thảo nên bà phản đối, không thừa nhận mối quan hệ này.

Trong thời gian bà Thảo điều trị thương tích, không đi lại và không tự chăm sóc bản thân được do tai nạn giao thông được chuẩn đoán Gãy hở độ III liên lõi cầu xương đùi; vỡ nhiều mảnh xương bánh chè; gãy cổ xương đùi, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông Tuấn đã cưu mang, nuôi dưỡng. Do bà Sương đã lớn tuổi, thường xuyên ốm đau không ai chăm sóc, điều kiện sống ở ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa có phần khó khăn, bà Sương muốn đi xa nơi này để ông Tuấn không còn qua lại với bà Thảo. Đến cuối năm 2018, bà Sương kêu bán nhà ở Đức Hòa, Long An, đến đầu năm 2019 bà Sương rút tiền gửi ngân hàng 200.000.000 đồng giao cho ông Tuấn đại diện đi mua đất ở Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, cát nhà để bà Sương về ở, tiền xây dựng nhà bà Sương đã chuyển nhiều lần cho ông Tuấn, lần 01: 1.200 USD, lần 02: 500 USD; lần 03: 45.000.000 đồng, lần 4: 1.000 USD...(làm đến đâu, bà Sương giao tiền đến đó, có bản sao kê rút tiền ngân hàng gửi kèm) để ông Tuấn xây dựng nhà, khi nào xong, ổn định thì bà Sương về ở.

Đến cuối năm 2023 bà Sương về ở, lúc này bà Sương mới biết bà Thảo còn chung sống với ông Tuấn. Khi bà Sương về ở khoảng một tháng, bà Thảo tự ý kêu xe tải đến dọn toàn bộ đồ trong nhà đưa lên xe tải (tài sản này bà Sương chuyển từ nhà cũ về) rồi đi cho đến nay. Về căn nhà, đất không liên quan đến bà Thảo và ông Tuấn vì phần đất này bà Sương giao tiền cho ông Tuấn mua và đại diện bà Sương đứng tên do bà Sương lớn tuổi, đi lại khó khăn, còn căn nhà trên đất ông Tuấn xây dựng đến đâu bà giao tiền đến đó cho đến khi căn nhà hoàn thành. Bà Thảo không có công sức đóng góp vào tài sản đang tranh chấp, vì trong thời gian này bà Thảo đang bệnh tật không đi lại được, ông Tuấn chăm sóc, nuôi dưỡng bà Thảo và hai con nuôi của ông Tuấn là Nguyễn Ngọc Tuấn Anh, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Ngọc Lan Anh, sinh ngày 01/11/2009 nhưng không có việc làm ổn định, chỉ dựa vào việc mua bán phế liệu để sinh sống qua ngày. Nay bà Sương yêu cầu ông Lê Đăng Tuấn trả lại tiền mua đất ở nông thôn, tại thửa số 132, tờ bản đồ số 46, diện tích 362,9 m², tính theo giá của Hội đồng định giá ngày 06/8/2024, cụ thể đất ở từ lộ vào 50m là 800.000.000 đồng/m², từ 50 trở vô hậu đất là 560.000.000 đồng/m² và căn nhà trên đất có giá còn lại là 190.526.000 đồng (nhà cấp 4 giá trị còn lại là 178.797.500 đồng, nhà sau giá trị còn lại là 6.961.500 đồng và mái che trước giá trị là 4.767.000 đồng).

Bà Thảo thống nhất theo giá thỏa thuận ngày 19/9/2024 là 805.226.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024, được sửa chữa, bổ sung ngày 19/5/2025, Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 59, Điều 219 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thảo với ông Lê Đăng Tuấn.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thảo.

Giao cho ông Lê Đăng Tuấn quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 và thửa đất số 132 diện tích 362,9m², tờ bản đồ số 46, đất ở tại nông thôn, do ông Lê Đăng Tuấn đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tại xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười và Sơ đồ đo đạc ngày 22/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười).

Buộc ông Lê Đăng Tuấn giao cho bà Thảo số tiền 183.407.400 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm đồng).

4. Về nợ chung: Buộc ông Lê Đăng Tuấn trả cho bà Huỳnh Thị Sương số tiền đã mượn 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

5. Về chi phí tố tụng: Ông Tuấn có trách nhiệm trả lại cho bà Thảo số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 1.257.000 đồng.

6. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thảo chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 9.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 9.470.000 đồng. Khấu trừ 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005406 ngày 07/3/2024 và 3.822.000 đồng theo Biên lai thu số 0011143 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tổng cộng 10.072.000 đồng. Bà Thảo được nhận lại 602.000 đồng.

Ông Lê Đăng Tuấn chịu 28.895.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Sương được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do bà Sương thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 14/10/2024, ông Lê Đăng Tuấn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 14/10/2024, bà Huỳnh Thị Sương kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc ông Lê Đăng Tuấn trả lại cho bà Sương tiền mua đất, cất nhà theo giá trị định giá là 805.226.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Thảo trình bày là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà Thảo không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Đăng Tuấn trình bày là bị đơn không rút kháng cáo. Do từ năm 2015 đến năm 2023 ông Tuấn chỉ cư mang bà Thảo do bà Thảo bị tai nạn giao thông không đi lại được, ông Tuấn không chung sống như vợ chồng với bà Thảo, không đồng ý tài sản mà bà Thảo đang tranh chấp là tài sản chung của ông Tuấn và bà Thảo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Đăng Tuấn trình bày tranh luận: Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Đăng Tuấn, ông Thanh đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nhưng không rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Thảo trình bày tranh luận, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn, bà Huỳnh Thị Sương đúng thời hạn luật định nên hợp lệ.

Ông Lê Đăng Tuấn kháng cáo toàn bộ bản án, trong đó có quan hệ hôn nhân, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Tuấn về quan hệ hôn nhân.

Người kháng cáo Huỳnh Thị Sương được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Sương.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn về chia tài sản, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn, bà Huỳnh Thị Sương trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, anh Nguyễn Ngọc Tuấn Anh và chị Nguyễn Ngọc Lan Anh, người đại diện hợp pháp của Tuấn Anh và Lan Anh là ông Lê Đăng Tuấn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Ông Lê Đăng Tuấn kháng cáo toàn bộ bản án, trong đó có quan hệ hôn nhân, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Tuấn về quan hệ hôn nhân.

[4] Người kháng cáo Huỳnh Thị Sương được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Sương.

[5] Xét kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5.1] Bà Thảo và ông Tuấn quen biết nhau năm 2016, đến năm 2017 chung sống với nhau dưới ghe, sau đó nhận chuyển nhượng đất của ông Huỳnh Văn Dân, năm 2020 xây dựng nhà và chung sống với nhau như vợ chồng và đã ly thân từ tháng 11/2023. Bà Thảo yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Tuấn, ông Tuấn đồng ý nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Thảo và ông Tuấn.

[5.2] Bà Thảo và ông Tuấn thống nhất tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 46, diện tích 362,9m², đo đạc thực tế 368m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tại xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Đăng Tuấn ngày 15/4/2020 và căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông, chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 20m được xây dựng trên đất, hiện ông Tuấn đang quản lý tài sản. Các đương sự Thảo, Tuấn và bà Huỳnh Thị Sương đã thống nhất giá trị đất thửa 132 và nhà ở trên đất là 805.780.000 đồng. Nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Văn Dân, nội dung này được các đương sự thống nhất, nhưng các đương sự không thống nhất nhau về chia tài sản.

[5.3] Bà Thảo trình bày thửa đất số 132 và căn nhà cấp 4 trên đất là tài sản chung của bà Thảo và ông Tuấn, do bà Thảo và ông Tuấn cùng tạo lập trong thời gian chung sống từ nguồn tiền con bà Thảo là anh Khoa gửi về cho ông Tuấn và tiền của bà Thảo tích lũy nên yêu cầu chia đôi tài sản, đồng ý ông Tuấn nhận hiện vật và thanh toán ½ giá trị tài sản cho bà Thảo. Ông Tuấn cho rằng quyền sử dụng đất thửa số 132 và nhà ở trên đất là tài sản riêng của ông Tuấn, do mẹ ông Tuấn là bà Sương

cho ông Tuấn 250.000.000 đồng, chị gái ông Tuấn gửi mẹ ông Tuấn hai lần cho ông Tuấn hơn 30.000.000 đồng, nhà thờ hỗ trợ 30.000.000 đồng, ông Tuấn bán xe máy được 15.000.000 đồng, ông Tuấn đã sử dụng 200.000.000 đồng trả tiền nhận chuyển nhượng đất của ông Dân 200.000.000 đồng, còn lại ông Tuấn xây dựng nhà ở, bà Thảo không có đóng góp tiền vào việc nhận chuyển nhượng đất và xây dựng nhà ở nên không đồng ý chia đôi tài sản theo yêu cầu của bà Thảo.

[5.4] Xét thấy quyền sử dụng thửa đất 132 và căn nhà cấp 4 trên đất hình thành trong thời kỳ bà Thảo và ông Tuấn chung sống với nhau như vợ chồng. Về số tiền nhận chuyển nhượng đất của ông Dân vào đầu năm 2020 là 200.000.000 đồng và số tiền xây dựng nhà ở năm 2020 khoảng 120 đến 130 triệu đồng. Việc bà Thảo trình bày có phần tiền tích lũy của bà Thảo, ông Tuấn trình bày có bán xe máy được 15.000.000 đồng, không được ông Tuấn, bà Thảo thừa nhận, thực tế bà Thảo, ông Tuấn không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Đối với bà Thảo có giao nộp tài liệu, giấy tờ thể hiện việc anh Lê Khoa là con bà Thảo có chuyển khoản cho ông Tuấn từ năm 2019 đến 2022 với số tiền 271.000.000 đồng, trong đó năm 2020 chuyển khoản 101.500.000 đồng. Ông Tuấn thừa nhận anh Khoa có chuyển khoản cho ông Tuấn số tiền nêu trên nhưng ông Tuấn không sử dụng số tiền này vì thẻ, mật khẩu bà Thảo quản lý, anh Khoa chuyển tiền về mục đích để nuôi bà Thảo, nhưng khi sống chung nhà chi phí sinh hoạt, ăn uống hàng ngày của gia đình do bà Thảo chi tiền. Đối với ông Tuấn có giao nộp bản photo in sao kê tài khoản khách hàng của BIDV và 02 bản photo mà Công ty kiều hối Đông Á đã chi trả cho bà SUONG THI HUYNH tổng số tiền 1.700 USD để chứng minh tháng 11/2019 bà Sương có rút tiền gửi từ Ngân hàng cho ông Tuấn số tiền 250.000.000 đồng mua đất của ông Dân và xây dựng nhà, chị gái ông Tuấn gửi tiền USD về cho bà Sương nhận để cho ông Tuấn xây dựng nhà, bà Thảo không có góp vốn. Nội dung này không được bà Thảo thừa nhận.

[5.5] Từ những căn cứ trên, nhận thấy vào thời điểm nhận chuyển nhượng đất xây nhà ở bà Thảo và ông Tuấn đều không có nguồn tiền tích lũy chung, mà từ nguồn tiền con bà Thảo tặng cho bà Thảo đã gửi về cho người nhận là ông Tuấn và nguồn tiền ông Tuấn thừa nhận được mẹ ông Tuấn và chị gái ông Tuấn tặng cho và số tiền nhà thờ hỗ trợ. Mặc dù ông Tuấn cho rằng khi ông Tuấn nhận chuyển nhượng đất của ông Dân, bà Thảo không biết mà khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Tuấn mới cho bà Thảo biết nên không có nhận tiền của bà Thảo. Tuy nhiên lời trình bày của ông Tuấn không phù hợp với văn bản xác nhận ngày 16/4/2024 của ông Dân với nội dung: *“Vào năm 2020 tôi có chuyển nhượng quyền sử dụng đất của mình tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 46, diện tích 362,9m² tại xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thảo và ông Lê Đăng Tuấn với giá 200.000.000 đồng. Tôi đã nhận đủ tiền từ vợ chồng bà Thảo, ông Tuấn và đã thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông Tuấn đại diện vợ chồng đứng tên. Sau đó vợ chồng ông Tuấn, bà Thảo cùng xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất mà tôi đã bán để sinh sống đến nay”* (Bút lục số 18) và lời khai của ông Dân tại phiên tòa cho rằng khi ông Tuấn thỏa thuận mua đất xong, giao tiền cho ông lần đầu nhận giấy đất của ông vay từ ngân hàng về không có bà Thảo, khi thanh toán tiền lần 2 có bà Thảo đi

theo ông Tuấn nên việc ông Tuấn xác định đất và nhà ở đang tranh chấp là tài sản của ông Tuấn là không phù hợp. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất 132 và căn nhà cấp 4 trên đất thuộc sở hữu chung của bà Thảo và ông Tuấn là có căn cứ. Qua xem xét nguồn gốc hình thành tài sản chung, công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập tài sản, số tài sản chung khác hiện bà Thảo đang quản lý, nghĩa vụ về tài sản mà ông Tuấn phải thực hiện với bà Huỳnh Thị Sương. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông Tuấn được quyền sử dụng đất thửa số 132 và căn nhà cấp 4 trên đất, ông Tuấn phải thanh toán giá trị tài sản cho bà Thảo số tiền 183.407.400 đồng là phù hợp.

[5.6] Ông Tuấn kháng cáo về chia tài sản thuộc sở hữu chung nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Tuấn thống nhất với nhận định, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Theo đó ông Tuấn được quyền sử dụng đất thửa 132 và quyền sở hữu nhà ở cấp 4 trên đất tranh chấp, ông Tuấn tự nguyện trả cho bà Sương số tiền 250.000.000 đồng, đồng ý thanh toán cho bà Thảo số tiền 183.407.400 đồng, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Xét thấy lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Tuấn phù hợp với bản án sơ thẩm và quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh về cách tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Tuấn về quan hệ hôn nhân; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Sương; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn về chia tài sản, giữ nguyên bản án sơ thẩm do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Ông Tuấn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn về quan hệ hôn nhân. Bản án sơ thẩm số: 118/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024, được sửa chữa, bổ sung ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp về hôn nhân có hiệu lực thi hành án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Sương. Bản án sơ thẩm số: 118/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024, được sửa chữa, bổ sung ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp về nợ chung có hiệu lực thi hành án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đăng Tuấn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 118/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024, được sửa chữa, bổ sung ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

1. Về chia tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thảo.

1.1. Ông Lê Đăng Tuấn được quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 46, diện tích 362,9m², đo đạc thực tế 368m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, trở về mốc M1, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tại xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Đăng Tuấn ngày 15/4/2020 và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất, hiện ông Tuấn đang quản lý tài sản.

1.2. Buộc ông Lê Đăng Tuấn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thảo số tiền 183.407.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười và Sơ đồ đo đạc ngày 22/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Tuấn có trách nhiệm trả lại cho bà Thảo số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 1.257.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thảo phải chịu 9.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa gồm 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm); được khấu trừ vào số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005406 ngày 07/3/2024 và số tiền 3.822.000 đồng theo Biên lai số 0011143 ngày 25/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Thảo được nhận lại 902.000 đồng (chưa gồm 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Ông Lê Đăng Tuấn phải chịu 28.895.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Tuấn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai số 0011447 ngày 04/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng TT, KT và THA;
- Lưu: VT, HS (Hạnh)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng